日期 (Date)	版本 (Version)	变更 (Update)
2024.11.18	V1.0	首次发布 (First release.)
2025.01.06	V1.1	更新手机频率二维码

Quick Guide

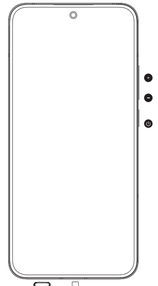

To view the user guide, scan the QR code.

oppo

封面

English

To use your phone safely and effectively, please read the following before using.

To turn on the product, press and hold the power button for a few seconds.
To restart your phone, press and hold the Power Button and Volume Up Button at the same time until the boot animation is displayed to reboot the phone.

How to Transfer Old Mobile Content to a New Mobile

If your old phone is OPPO/OnePlus/realme phone, please open the "Clone Phone" and follow the prompts. If your old phone is other Android devices, please open the "Clone Phone" on your new phone and follow the prompts. If your old phone is iPhone, please scan the QR code on the right to download "Clone Phone" and follow the prompts.

Regulatory

Steps to check rule information: Go to Settings - About device - Regulatory

Radio Waves Specifications

This device is capable of operation in following frequency ranges and maximum transmission power(radiated and/or conducted) limits, the availability of which may vary depending on different network, country or region.

GSM 850/900MHz: 33.5dBm; 1800/1900MHz: 30.5dBm;
WCDMA Band 1:24.8dBm; Bands 4/5/6/8/19: 24.8dBm; Band 2: 23.8dBm;
LTE FDD Bands 1/3/4/66: 25dBm; Bands 5/18/12/13/19/26/28: 25dBm; Band 7: 23.8dBm; Band 32: -;
LTE TDD Band 41: 26.8dBm; Bands 34/38: 24.8dBm; Bands 39/40: 25dBm;
5G NR n41/n78: 27.2dBm; n1/n3/n7/n40/n66: 25.8dBm; n2/n38/n77: 24.2dBm; n5/n8/n12/n20/n28/n28: 25.8dBm;
Bluetooth: 19.5dBm;
WiFi 2.4 GHz Band: 18.5dBm
5G WiFi: 5150 to 5250MHz: 18.8dBm; 5250 to 5350MHz: 15.5dBm; 5470 to 5725MHz: 14.4dBm; 5725 to 5850MHz: 11.3dBm;
6G WiFi: 5945 to 6425MHz(LP): 17dBm; 5945~6425MHz(VLP): 13dBm
NFC: 13.56MHz: 42dBμA/m @10m

Specification

Dimension	162.73x76.55x7.55(mm)	CE SAR	0.993W/kg(Head) 1.285W/kg(Body)
Battery (Rechargeable Lithium-ion Battery)	DC3.92V 5640mAh(22.11Wh(Min) DC3.92V 5800mAh(22.74Wh(Typ)	RCM SAR	0.993W/kg(Head) 1.285W/kg(Body) 2.082W/kg(Limb)

Note: The SAR values above are the highest values reported for this device.

Thai

เพื่อใช้โทรศัพท์ของคุณอย่างปลอดภัยและมีประสิทธิภาพ โปรดอ่านข้อมูลต่อไปนี้ก่อนใช้งาน

ในการเปิดเครื่องผลิตภัณฑ์ ให้กดปุ่มเปิด/ปิดเครื่องค้างไว้สักครู่
ในการรีสตาร์ทโทรศัพท์ ให้กดปุ่มเปิด
/ปิดเครื่องและปุ่มเพิ่มเสียงพร้อมกันจนกว่าจะปรากฏภาพเคลื่อนไหวการบูตขึ้นเพื่อรีบูตโทรศัพท์

วิธีการโอนเนื้อหาโทรศัพท์มือถือเก่าไปยังโทรศัพท์มือถือเครื่องใหม่

หากโทรศัพท์เครื่องเก่าของคุณเป็นโทรศัพท์ OPPO / OnePlus / realme โปรด เปิด "Clone Phone" และทำตามคำแนะนำ หากโทรศัพท์เครื่องเก่าของคุณเป็นอุปกรณ์ Android อื่น โปรดเปิด "Clone Phone" บนโทรศัพท์เครื่องใหม่ของคุณและทำตามคำแนะนำ หากโทรศัพท์เครื่องเก่าของคุณเป็น iPhone โปรดสแกนรหัส QR ทางขวาเพื่อดาวน์โหลด "Clone Phone" และทำตามคำแนะนำ

ข้อมูลข้างเคียงเรื่องวิทยุ

อุปกรณ์นี้สามารถทำงานในช่วงความถี่ต่อไปนี้และพลังงานส่งสัญญาณสูงสุด (การแผ่ออกและ/หรือการให้ค่า) ซึ่งความพร้อมใช้งานอาจแตกต่างกันไปขึ้นอยู่กับเครือข่าย ประเทศ หรือภูมิภาคต่างๆ

GSM 850/900MHz: 33.5dBm; 1800/1900MHz: 30.5dBm;
WCDMA Band 1:24.8dBm; Bands 4/5/6/8/19: 24.8dBm; Band 2: 23.8dBm;
LTE FDD Bands 1/3/4/66: 25dBm; Bands 7:23: 24.8dBm;
Bands 5/18/12/13/17/19/26/28: 25dBm; Band 2: 23.8dBm; Band 32: -;
LTE TDD Band 41: 26.8dBm; Bands 34/38: 24.8dBm; Bands 39/40: 25dBm;
5G NR n41/n78: 27.2dBm; n1/n3/n7/n40/n66: 25.8dBm; n2/n38/n77: 24.2dBm; n5/n8/n12/n20/n28/n28: 25.8dBm;
Bluetooth: 19.5dBm;
WiFi 2.4 GHz Band: 18.5dBm
5G WiFi: 5150 to 5250MHz: 18.8dBm; 5250 to 5350MHz: 15.5dBm;
5470 to 5725MHz: 14.4dBm; 5725 to 5850MHz: 11.3dBm;
6G WiFi: 5945 to 6425MHz(LP): 17dBm; 5945~6425MHz(VLP): 13dBm
NFC: 13.56MHz: 42dBμA/m @10m

ข้อมูลพื้นฐานของโทรศัพท์

ขนาดตัวเครื่อง	162.73x76.55x7.55(mm)
แบตเตอรี่	DC3.92V 5640mAh(22.11Wh(Min) DC3.92V 5800mAh(22.74Wh(Typ)

เครื่องโทรศัพทของพวกนี้มีอัตราการดูดซึมพลังงานวิทยุ (Specific Absorption Rate - SAR) เป็นเนื่องมาจากเครื่องโทรศัพทของพวกเขาใช้ 0.993W/kg (ศีรษะ) และ 1.285W/kg (ร่างกาย) ซึ่งสอดคล้องกับความต้องการของ ข้อมูลเพื่อ ต่อสู้การคลื่นของมนุษย์จากการใช้เครื่องโทรศัพทมาก ซึ่งคะแนนการการทำการโดยคนร่างคนเดยาสำหรับ ร่างกาย

หมายเหตุ: ค่า SAR ข้างต้นเป็นค่าสูงสุดที่มีการรายงานสำหรับอุปกรณ์เครื่องนี้

Vietnamese

Để sử dụng điện thoại của bạn một cách an toàn và hiệu quả, vui lòng đọc những điều sau đây trước khi sử dụng.

Để bật sản phẩm, hãy nhấn và giữ nút nguồn trong vài giây.
Để khởi động lại điện thoại của bạn, hãy nhấn và giữ đồng thời nút Nguồn và nút Tăng âm lượng cho đến khi hình động khởi động được hiển thị để khởi động lại điện thoại.

Cách chuyển nội dung từ điện thoại di động cũ sang điện thoại di động mới

Nếu điện thoại cũ của bạn là điện thoại OPPO/OnePlus/realme, vui lòng mở "Sao chép điện thoại" và làm theo lời nhắc. Nếu điện thoại cũ của bạn là các thiết bị Android khác, vui lòng mở "Sao chép điện thoại" trên điện thoại mới của bạn và làm theo lời nhắc. Nếu điện thoại cũ của bạn là iPhone, vui lòng quét mã QR ở bên phải để tải xuống "Sao chép điện thoại" và làm theo lời nhắc.

Quy định

Các bước để kiểm tra thông tin quy tắc: Vào Cài đặt - Giới thiệu về thiết bị - Quy định

Đặc điểm kỹ thuật

Pin	DC3.92V 5640mAh(22.11Wh(Min) DC3.92V 5800mAh(22.74Wh(Typ)	CE SAR	0.993W/kg(Head) 1.285W/kg(Body)

Lưu ý: Các giá trị SAR trên đây là các giá trị cao nhất được báo cáo của thiết bị này.

Malay

Untuk menggunakan telefon anda dengan selamat dan berkesan, sila baca perkara berikut sebelum menggunakannya.

Untuk menghidupkan produk, tekan dan tahan butang kuasa selama beberapa saat.
Untuk memulakan semula telefon anda, tekan dan tahan Butang Kuasa dan Butang Naikkan Ketamtapan secara serentak sehingga animasi but dipaparkan untuk but semula telefon.

Cara Memindahkan Kandungan Mudah Alih Lama ke Mudah Alih Baharu

Jika telefon lama anda adalah telefon OPPO/OnePlus/realme, sila buka "Klon Telefon" dan ikut gesaan. Jika telefon lama anda ialah peranti Android lain, sila buka "Klon Telefon" pada telefon baharu anda dan ikut gesaan. Jika telefon lama anda ialah iPhone, sila imbas kod QR di sebelah kanan untuk memuat turun "Klon Telefon" dan ikut gesaan.

Peraturan

Langkah-langkah untuk menyemak maklumat peraturan:
Pergi ke Tetapan - Perihal peranti - Peraturan

Spesifikasi Gelombang Radio

Peranti ini mampu beroperasi dalam julat frekuensi berikut dan had kuasa penghantaran maksimum (dipancarkan dan/atau dikonduksikan), yang ketersediaannya mungkin berbeza bergantung pada rangkaian, negara atau wilayah yang berbeza.

GSM 850/900MHz: 33.5dBm; 1800/1900MHz: 30.5dBm;
WCDMA Band 1:24.8dBm; Bands 4/5/6/8/19: 24.8dBm; Band 2: 23.8dBm;
LTE FDD Bands 1/3/4/66: 25dBm; Bands 7:23: 24.8dBm;
Bands 5/18/12/13/17/19/26/28: 25dBm; Band 2: 23.8dBm; Band 32: -;
LTE TDD Band 41: 26.8dBm; Bands 34/38: 24.8dBm; Bands 39/40: 25dBm;
5G NR n41/n78: 27.2dBm; n1/n3/n7/n40/n66: 25.8dBm; n2/n38/n77: 24.2dBm; n5/n8/n12/n20/n28/n28: 25.8dBm;
Bluetooth: 19.5dBm;
WiFi 2.4 GHz Band: 18.5dBm
5G WiFi: 5150 to 5250MHz: 18.8dBm; 5250 to 5350MHz: 15.5dBm;
5470 to 5725MHz: 14.4dBm; 5725 to 5850MHz: 11.3dBm;
6G WiFi: 5945 to 6425MHz(LP): 17dBm; 5945~6425MHz(VLP): 13dBm
NFC: 13.56MHz: 42dBμA/m @10m

Spesifikasi perisian

Bateri	DC3.92V 5640mAh(22.11Wh(Min) DC3.92V 5800mAh(22.74Wh(Typ)	Nilai SAR	0.993W/kg(Kepala) 1.285W/kg(Badan)

Nota: Nilai SAR di atas ialah nilai tertinggi yang dilaporkan untuk peranti ini.

繁體中文

為了安全有效地使用您的手機，請在使用前閱讀以下內容。

若要開啟產品，請按住電源按鈕幾秒鐘。
若要重新啟動手機，請同時按住電源按鈕和音量增加按鈕，直到開機動畫顯示。

如何將舊手機內容轉移到新手機

若手機為 OPPO/OnePlus/realme，請開啟手機並遵循提示說明。若手機為其他 Android 裝置，請在新手機上開啟手機並遵循提示說明。若您的手機為 iPhone，請掃描右側的 QR 碼以下載「手機複製」，並依照指示操作。

管制資訊

查看規則資訊的步驟：進入設定 - 關於裝置 - 規則

產品規格

解鎖機資訊	DL129	SAR值	頭 NCC 認定下 SAR 標準值為 2.0W/kg， 這款產品實測數值 0.0990W/kg。
充電器資訊	機型: VC8BOAUH 來自 OPPO 的 VOOC 或 SUPERVOOC 閃電手機 IS-11VDC 3A Max。 但 可以為其他裝置輸電的 最高 5VDC 2A 閃電電壓表。	輸入值: 100-130V ~ 50/60Hz 2A 輸出值: 5VDC 2A or 5-11VDC 3A Max	
解鎖資訊	GSM 850/900/1800/1900MHz WCDMA Bands 1/2/4/5/6/8/19 LTE FDD: Bands 1/2/3/4/5/7/8/12/13/17/18/19/20/26/28/32/66 LTE TDD: Bands 34/38/39/40/41 5G NR: n1/n2/n3/n5/n7/n8/n12/n20/n26/n28/n38/n40/n41/n66/n77/n78		

本公司所銷售之產品皆整個手機解鎖入 - PVG 頻帶系統以 4G 為主，而電子郵寄至 3G 時 - 則以 3G 頻帶為主。

CPH2697

This manual is published by OPPO. OPPO may correct any misprints, errors, and inaccuracies in the manual or improve its apps or devices at any time it deems necessary without any notice. Such changes will be applied in the later versions of this manual. All images in this manual are for reference only and may differ from the actual device and UI.

Copyright © Guangdong OPPO Mobile Telecommunications Corp., Ltd. 2025. All rights reserved.

广播代码：
物料代码：
61280400780 V1.1

封底

Russian

Чтобы безопасно и эффективно использовать телефон, предварительно ознакомьтесь со следующими инструкциями.

Чтобы включить устройство, нажмите кнопку питания и удерживайте ее несколько секунд.
Чтобы перезагрузить телефон, одновременно нажмите кнопку питания и кнопку увеличения громкости и удерживайте их до появления стартовой анимации.

Как перенести данные со старого телефона на новый

Если ваш старый телефон — это устройство OPPO, OnePlus или realme, откройте программу "Клонирование телефона" и следуйте инструкциям. Если ваш старый телефон — это другое устройство с ОС Android, откройте программу "Клонирование телефона" на новом телефоне и следуйте инструкциям. Если ваш старый телефон — это устройство iPhone, загрузите программу "Клонирование телефона", отсканировав приведенный справа QR-код, и следуйте инструкциям.

Характеристики радиосигналов

Ниже указаны поддерживаемые устройством диапазоны частот и максимальная мощность передачи (излучаемая и/или проводимая) (доступность зависит от сети, страны и региона).

GSM 850/900MHz: 33.5dBm; 1800/1900MHz: 30.5dBm;
WCDMA Band 1:24.8dBm; Bands 4/5/6/8/19: 24.8dBm; Band 2: 23.8dBm;
LTE FDD Bands 1/3/4/66: 25dBm; Bands 7:23: 24.8dBm;
Bands 5/18/12/13/17/19/26/28: 25dBm; Band 2: 23.8dBm; Band 32: -;
LTE TDD Band 41: 26.8dBm; Bands 34/38: 24.8dBm; Bands 39/40: 25dBm;
5G NR n41/n78: 27.2dBm; n1/n3/n7/n40/n66: 25.8dBm; n2/n38/n77: 24.2dBm; n5/n8/n12/n20/n28/n28: 25.8dBm;
Bluetooth: 19.5dBm;
WiFi 2.4 GHz Band: 18.5dBm
5G WiFi: 5150 to 5250MHz: 18.8dBm; 5250 to 5350MHz: 15.5dBm;
5470 to 5725MHz: 14.4dBm; 5725 to 5850MHz: 11.3dBm;
6G WiFi: 5945 to 6425MHz(LP): 17dBm; 5945~6425MHz(VLP): 13dBm
NFC: 13.56MHz: 42dBμA/m @10m

Спецификации

Уровень SAR	0.993 W/kg(для головы) 1.285 W/kg(для тела)		
Емкость аккумулятора	DC3.92V 5640 мАч(22.11 Вт·ч (мин.) DC3.92V 5800 мАч(22.74 Вт·ч (тип.)		

Примечание: Приведенные выше значения SAR являются самыми высокими значениями, сообщенными для этого устройства.

Kazakh

Телефонды қауіпсіз және тиімді пайдалану үшін, пайдалану алдында төмендегі ақпаратты оқып шығыңыз.

Өнімді қосу үшін қуат түймешігін бірнеше секунд басып тұрыңыз.
Телефонды өшіріп, қосу үшін, қуат түймешігі мен дыбыс деңгейін арттыру түймешігін жүктеу анимациясы көрсетілгенше бір уақытта басып тұрыңыз.

Ескі ұялы телефонның контентін жаңа ұялы телефонға тасымалдау жолы

Егер телефоныңыз OPPO/OnePlus/realme телефоны болса, «Телефонды клондау» қолданбасын ашып, нұсқауларды орындаңыз. Егер телефоныңыз басқа Android құрылғысы болса, жаңа телефоныңыздағы «Телефонды клондау» қолданбасын ашып, нұсқауларды орындаңыз. Егер телефоныңыз iPhone болса, «Телефонды клондау» қолданбасын жүктеп алу үшін оң жақтағы QR-кодты сканерлеңіз, нұсқауларды орындаңыз.

Радиотолқындардың сипаттамасы

Бұл құрылғы төмендегі жиілік диапазондарында және максималды жіберу қуатының (сәулеленген және/немесе өткізілген) шектеулерінде жұмыс істей алады. Олардың қолжетімділігі желіге, елге немесе аймаққа байланысты әртүрлі болуы мүмкін.

GSM 850/900MHz: 33.5dBm; 1800/1900MHz: 30.5dBm;
WCDMA Band 1:24.8dBm; Bands 4/5/6/8/19: 24.8dBm; Band 2: 23.8dBm;
LTE FDD Bands 1/3/4/66: 25dBm; Bands 7:23: 24.8dBm;
Bands 5/18/12/13/17/19/26/28: 25dBm; Band 2: 23.8dBm; Band 32: -;
LTE TDD Band 41: 26.8dBm; Bands 34/38: 24.8dBm; Bands 39/40: 25dBm;
5G NR n41/n78: 27.2dBm; n1/n3/n7/n40/n66: 25.8dBm; n2/n38/n77: 24.2dBm; n5/n8/n12/n20/n28/n28: 25.8dBm;
Bluetooth: 19.5dBm;
WiFi 2.4 GHz Band: 18.5dBm
5G WiFi: 5150 to 5250MHz: 18.8dBm; 5250 to 5350MHz: 15.5dBm;
5470 to 5725MHz: 14.4dBm; 5725 to 5850MHz: 11.3dBm;
6G WiFi: 5945 to 6425MHz(LP): 17dBm; 5945~6425MHz(VLP): 13dBm
NFC: 13.56MHz: 42dBμA/m @10m

Өнімнің сипаттамасы

Батарея	DC3.92V 5640 мАч(22.11 Вт·ч(мин) DC3.92V 5800 мАч(22.74 Вт·ч(тип)	SAR-мәнді	0.993 W/kg(Бас) 1.285 W/kg(дене)

Ескертпе: Жоғарыдағы SAR мәндері осы құрылғы үшін мәлімделген ең жоғары мәндер болып табылады.

Ukraine

Щоб безпечно та ефективно використовувати телефон, перед початком використання ознайомтеся з наведеною нижче інформацією.

Щоб увімкнути пристрій, натисніть й утримуйте кнопку живлення протягом декількох секунд.
Щоб перезапустити телефон, одночасно натисніть й утримуйте кнопку живлення і кнопку збільшення гучності, доки не з'явиться анімація, що вказує на почати перезавантаження.

Як перенести вміст зі старого мобільного телефона на новий телефон

Якщо ваш старий телефон — це OPPO/OnePlus/realme, відкрийте програму "Клонування телефону" і дотримуйтеся підказок. Якщо ваш старий телефон — це інший пристрій на базі ОС Android, відкрийте програму "Клонування телефону" на новому телефоні і дотримуйтеся підказок. Якщо ваш старий телефон — це iPhone, відскануйте QR-код праворуч, щоб завантажити програму "Клонування телефону", і дотримуйтеся підказок.

Характеристики радіохвиль

Цей пристрій може працювати в таких діапазонах частот з дотриманням вказаних обмежень максимальної потужності передавання (випромінювання та/або кондуктивної), наявність яких може відрізнятися залежно від мережі, країни або регіону.

GSM 850/900MHz: 33.5dBm; 1800/1900MHz: 30.5dBm;
WCDMA Band 1:24.8dBm; Bands 4/5/6/8/19: 24.8dBm; Band 2: 23.8dBm;
LTE FDD Bands 1/3/4/66: 25dBm; Bands 7:23: 24.8dBm;
Bands 5/18/12/13/17/19/26/28: 25dBm; Band 2: 23.8dBm; Band 32: -;
LTE TDD Band 41: 26.8dBm; Bands 34/38: 24.8dBm; Bands 39/40: 25dBm;
5G NR n41/n78: 27.2dBm; n1/n3/n7/n40/n66: 25.8dBm; n2/n38/n77: 24.2dBm; n5/n8/n12/n20/n28/n28: 25.8dBm;
Bluetooth: 19.5dBm;
WiFi 2.4 GHz Band: 18.5dBm
5G WiFi: 5150 to 5250MHz: 18.8dBm; 5250 to 5350MHz: 15.5dBm;
5470 to 5725MHz: 14.4dBm; 5725 to 5850MHz: 11.3dBm;
6G WiFi: 5945 to 6425MHz(LP): 17dBm; 5945~6425MHz(VLP): 13dBm
NFC: 13.56MHz: 42dBμA/m @10m

Специфікація

Значення SAR	0.993 Вт/кг(голова) 1.285 Вт/кг(корпус)		
Акумулятор	DC3.92V 5640 мА·год(22.11 Вт·год(Мін) DC3.92V 5800 мА·год(22.74 Вт·год(Тип)		

Примітка. Наведені вище значення SAR - це найвищі значення, повідомлені для цього пристрою.

Czech

Telefon jste můžete začít používat bezpečně a efektivně, pokud si nejprve přečtete následující informace.

Zapnutí zařízení provedete tak, že na několik sekund stisknete a podržíte tlačítko napájení.
Restartujte-li telefon, stiskněte a podržte tlačítko napájení a tlačítko zvýšení hlasitosti zároveň, dokud se na displeji nezobrazí animace spuštění.

Jak přenést obsah z starého mobilního telefonu na nový

Pokud je váš starý telefon OPPO/OnePlus/realme, otevřete aplikaci „Klonování telefonu" a postupujte podle pokynů. Pokud je váš starý telefon jiné zařízení s OS Android, otevřete na novém telefonu aplikaci „Klonování telefonu" a postupujte podle pokynů. Pokud je váš starý telefon iPhone, naskenujte QR kód vpravo a stáhněte aplikaci „Klonování telefonu".

Informace o rádiovém kmitočtu

Toto zařízení je schopné provozovat v následujících frekvenčních rozsazích a s maximálním vysílacím výkonem (vyzářeným a/nebo vedeným). Dostupnost se může lišit v závislosti na síti, zemi nebo oblasti.

GSM 850/900MHz: 33.5dBm; 1800/1900MHz: 30.5dBm;
WCDMA Band 1:24.8dBm; Bands 4/5/6/8/19: 24.8dBm; Band 2: 23.8dBm;
LTE FDD Bands 1/3/4/66: 25dBm; Bands 7:23: 24.8dBm;
Bands 5/18/12/13/17/19/26/28: 25dBm; Band 2: 23.8dBm; Band 32: -;
LTE TDD Band 41: 26.8dBm; Bands 34/38: 24.8dBm; Bands 39/40: 25dBm;
5G NR n41/n78: 27.2dBm; n1/n3/n7/n40/n66: 25.8dBm; n2/n38/n77: 24.2dBm; n5/n8/n12/n20/n28/n28: 25.8dBm;
Bluetooth: 19.5dBm;
WiFi 2.4 GHz Band: 18.5dBm
5G WiFi: 5150 to 5250MHz: 18.8dBm; 5250 to 5350MHz: 15.5dBm;
5470 to 5725MHz: 14.4dBm; 5725 to 5850MHz: 11.3dBm;
6G WiFi: 5945 to 6425MHz(LP): 17dBm; 5945~6425MHz(VLP): 13dBm
NFC: 13.56MHz: 42dBμA/m @10m

Technické specifikace

Hlavní asimilovaná koeffisiyanti	0.993W/kg(Kapsle) 1.285W/kg(Beden)		
Baterya	DC3.92V 5640 mA·hod / 22.11 Vt·hod (dakika) DC3.92V 5800 mA·hod / 22.74 Vt·hod (obdyb)		

Eskiznaz yuqoridagi SAR qiymatlari ushbu qurilma uchun bildirilgan eng yuqori qiymatlardir.

Cambodian

ដើម្បីប្រើប្រាស់ទូរស័ព្ទរបស់អ្នកដោយសុវត្ថិភាព និងប្រកបដោយប្រសិទ្ធភាព សូមអានព័ត៌មានខាងក្រោមមុនពេលប្រើប្រាស់។

ដើម្បីបើកផលិតផល សូមចុចប៊ូតុនបើកបានរយៈពេលប្រហែលមួយភ្លែតសិន។
ដើម្បីចាប់ផ្តើមម្តងទៀតនូវទូរស័ព្ទ សូមចុចប៊ូតុនបើកនិងប៊ូតុនបន្ថែមកម្រិតសំឡេងក្នុងពេលតែមួយ រហូតដល់ចលនាដំណើរការ ដើម្បីចាប់ផ្តើមម្តងទៀតនូវទូរស័ព្ទ។

របៀបផ្ទេរមាតិកាទូរស័ព្ទចល័តចាស់ទៅទូរស្តាប់ថ្មី

Agar aak telefonoji OPPO/OnePlus/realme telefon bo'lsa, "Clone Phone" ilovasini oching va ko'rsatmalarni bajaring. Agar eski telefoningiz boshqa Android qurilmasi bo'lsa, yangi telefoningizda "Clone Phone" ilovasini oching va ko'rsatmalarni bajaring. Agar eski telefoningiz iPhone bo'lsa, "Clone Phone" ilovasini yuklab olish uchun o'ng tomondagi QR kodni skanerlang va ko'rsatmalarni bajaring.

ព័ត៌មានអំពីរលកវិទ្យុ

ឧបករណ៍នេះមានលទ្ធភាពដំណើរការក្នុងជួរប្រេកង់ដូចខាងក្រោម និងដែនកំណត់នៃការបញ្ជូនអតិបរមា (ដាក់ចេញ និងធ្វើចរាចរ) ដែលមានលទ្ធភាពខុសគ្នាតាមបណ្តាញ ប្រទេស ឬតំបន់ផ្សេងគ្នា។

GSM 850/900MHz: 33.5dBm; 1800/1900MHz: 30.5dBm;
WCDMA Band 1:24.8dBm; Bands 4/5/6/8/19: 24.8dBm; Band 2: 23.8dBm;
LTE FDD Bands 1/3/4/66: 25dBm; Bands 7:23: 24.8dBm;
Bands 5/18/12/13/17/19/26/28: 25dBm; Band 2: 23.8dBm; Band 32: -;
LTE TDD Band 41: 26.8dBm; Bands 34/38: 24.8dBm; Bands 39/40: 25dBm;
5G NR n41/n78: 27.2dBm; n1/n3/n7/n40/n66: 25.8dBm; n2/n38/n77: 24.2dBm; n5/n8/n12/n20/n28/n28: 25.8dBm;
Bluetooth: 19.5dBm;
WiFi 2.4 GHz Band: 18.5dBm
5G WiFi: 5150 to 5250MHz: 18.8dBm; 5250 to 5350MHz: 15.5dBm;
5470 to 5725MHz: 14.4dBm; 5725 to 5850MHz: 11.3dBm;
6G WiFi: 5945 to 6425MHz(LP): 17dBm; 5945~6425MHz(VLP): 13dBm
NFC: 13.56MHz: 42dBμA/m @10m

លក្ខណៈបច្ចេកទេស

១	DC3.92V 5640mAh(22.11Wh(Min) DC3.92V 5800mAh(22.74Wh(Typ)	១ម្តង SAR	0.993W/kg(ក្បាល) 1.285W/kg(ខ្លួន)

ចំណាំ៖ តម្លៃ SAR ខាងលើគឺជាតម្លៃខ្ពស់បំផុតដែលត្រូវបានរាយការណ៍សម្រាប់ឧបករណ៍នេះ។

繁體中文(香港)

為了安全有效地使用您的手機，請在使用前閱讀以下內容。

若要開啟產品，請按住電源按鈕幾秒。
若要重新啟動手機，請同時按住電源按鈕和音量增加按鈕，直到開機動畫顯示。

如何將舊手機內容轉移到新手機

若手機為 OPPO/OnePlus/realme，請開啟手機並遵循提示說明。若手機為其他 Android 裝置，請在新手機上開啟手機並遵循提示說明。若您的手機為 iPhone，請掃描右側的 QR 碼以下載「手機複製」，並依照指示操作。

規格

電池	DC3.92V 5640mAh(22.11Wh(Min) DC3.92V 5800mAh(22.74Wh(Typ)	SAR 值	0.993W/kg(Head) 1.285W/kg(Body)

無線電資訊表
設備被授權在以下頻率範圍和最大傳輸功率（輻射和/或傳導）限制下運行，其可用性可能因不同網路、國家或地區而異。

GSM 850/900MHz: 33.5dBm; 1800/1900MHz: 30.5dBm;
WCDMA Band 1:24.8dBm; Bands 4/5/6/8/19: 24.8dBm; Band 2: 23.8dBm;
LTE FDD Bands 1/3/4/66: 25dBm; Bands 7:23: 24.8dBm;
Bands 5/18/12/13/17/19/26/28: 25dBm; Band 2: 23.8dBm; Band 32: -;
LTE TDD Band 41: 26.8dBm; Bands 34/38: 24.8dBm; Bands 39/40: 25dBm;
5G NR n41/n78: 27.2dBm; n1/n3/n7/n40/n66: 25.8dBm; n2/n38/n77: 24.2dBm; n5/n8/n12/n20/n28/n28: 25.8dBm;
Bluetooth: 19.5dBm;
WiFi 2.4 GHz Band: 18.5dBm
5G WiFi: 5150 to 5250MHz: 18.8dBm; 5250 to 5350MHz: 15.5dBm;
5470 to 5725MHz: 14.4dBm; 5725 to 5850MHz: 11.3dBm;
6G WiFi: 5945 to 6425MHz(LP): 17dBm; 5945~6425MHz(VLP): 13dBm
NFC: 13.56MHz: 42dBμA/m @10m

Urdu

اپنے فون کو محفوظات کر کے اور موثر انداز سے استعمال کرنے کے لیے، براہ مہربانی استعمال کرنے سے پہلے درج ذیل کو پڑھیے۔

پروڈکٹ کو آن کرنے کے لیے، کچھ سیکنڈز کے لیے پاور بٹن کو دبا کر رکھیں۔
اپنے فون کو دوبارہ چلانے کے لیے، پاور بٹن اور والیوم اپ بٹن کو ایک ہی وقت میں دبائے جب تک کہ فون کو ری بوٹ کرنے کے لیے بوٹ اینیمیشن ڈسپلے نہ ہو جائے۔

پرانے موبائل مواد کو نئے موبائل میں کیسے منتقل کریں۔

اگر آپ کا پرانا فون OPPO/OnePlus/realme ہے تو براہ کرم "کلون فون" کو کھولیں۔
اور اندر آنے پر عمل کریں۔ اگر آپ کا پرانا فون دیگر اینڈرائڈ آپشنز پر ہے تو براہ کرم اپنے نئے فون پر "کلون فون" کھولیں اور اندر آنے پر عمل کریں۔ اگر آپ کا پرانا فون آئی فون ہے تو براہ کرم "کلون فون" لانے اور کوڈ کو اسکین کرنے کے لئے دائیں طرف QR کوڈ کو اسکین کریں اور اندر آنے پر عمل کریں۔

ریگولیٹری

اصول کی معلومات چیک کرنے کے اقدامات: ترتیبات پر جائیں - فونٹس - ریگولیٹری

ریڈیو لہروں کی تفصیلات

یہ ڈیوائس حسب ذیل فریکوئنسی رینج اور ٹرانسمیشن کی زیادہ سے زیادہ طاقت (تابکاری اور/یا کنڈکٹڈ) کے اندر کام کرنے کے قابل ہے، جو مختلف نیٹ ورک، ملک یا علاقے کے لحاظ سے دستیابی میں مختلف ہو سکتی ہے۔

GSM 850/900MHz: 33.5dBm; 1800/1900MHz: 30.5dBm;
WCDMA Band 1:24.8dBm; Bands 4/5/6/8/19: 24.8dBm; Band 2: 23.8dBm;
LTE FDD Bands 1/3/4/66: 25dBm; Bands 7:23: 24.8dBm;
Bands 5/18/12/13/17/19/26/28: 25dBm; Band 2: 23.8dBm; Band 32: -;
LTE TDD Band 41: 26.8dBm; Bands 34/38: 24.8dBm; Bands 39/40: 25dBm;
5G NR n41/n78: 27.2dBm; n1/n3/n7/n40/n66: 25.8dBm; n2/n38/n77: 24.2dBm; n5/n8/n12/n20/n28/n28: 25.8dBm;
Bluetooth: 19.5dBm;
WiFi 2.4 GHz Band: 18.5dBm
5G WiFi: 5150 to 5250MHz: 18.8dBm; 5250 to 5350MHz: 15.5dBm;
5470 to 5725MHz: 14.4dBm; 5725 to 5850MHz: 11.3dBm;
6G WiFi: 5945 to 6425MHz(LP): 17dBm; 5945~6425MHz(VLP): 13dBm
NFC: 13.56MHz: 42dBμA/m @10m

خصوصیات

0.993W/kg (سر) 1.285W/kg (جسم)	SAR کی قدر	162.73x76.55x7.55 (ملی میٹر)	طول و عرض
DC3.92V 5640mAh(22.11Wh(Min) DC3.92V 5800mAh(22.74Wh(Typ)			بیٹری

نوٹ: اوپر دی گئی SAR قدریں اس آلہ کے رپورٹ کی گئی اعلیٰ ترین قدریں ہیں۔

Arabic

لاستخدام هاتفك بأمان وفعالية، يرجى قراءة ما يأتي قبل الاستخدام.

لتشغيل المنتج، اضغط مع الاستمرار على زر التشغيل لبضعة ثوانٍ.
لإعادة تشغيل هاتفك، اضغط مع الاستمرار على زر التشغيل وزر رفع الصوت في الوقت نفسه حتى يتم عرض الرسوم المتحركة للتشغيل لإعادة تشغيل هاتفك.

نقل محتوى الهاتف المحمول القديم إلى محتوى الهاتف المحمول الجديد

إذا كان هاتفك القديم من OPPO/OnePlus/realme، فيرجى فتح أيقونة "النقل" واتباع التعليمات. إذا كان هاتفك القديم من نوع Android آخر، فيرجى فتح أيقونة "النقل" على هاتفك الجديد واتباع التعليمات. إذا كان هاتفك القديم iPhone، فالرجاء مسح رمز الاستجابة السريعة الموجود على اليمين لتنزيل تطبيق النقل، واتباع التعليمات.

التوافق التنظيمي

لخطوات التحقق من معلومات القاعدة: الإعدادات - حول الجهاز - معلومات الشهادة

مواصفات الموجات اللاسلكية

هذا الجهاز قادر على العمل في مدى طاقة الإرسال القصوى (المشعة و/أو الموصلة) وبنطاقات التردد التالية، والتي قد يختلف توفرها باختلاف الشبكة أو البلد أو المنطقة.

GSM 850/900MHz: 33.5dBm; 1800/1900MHz: 30.5dBm;
WCDMA Band 1:24.8dBm; Bands 4/5/6/8/19: 24.8dBm; Band 2: 23.8dBm;
LTE FDD Bands 1/3/4/66: 25dBm; Bands 7:23: 24.8dBm;
Bands 5/18/12/13/17/19/26/28: 25dBm; Band 2: 23.8dBm; Band 32: -;
LTE TDD Band 41: 26.8dBm; Bands 34/38: 24.8dBm; Bands 39/40: 25dBm;
5G NR n41/n78: 27.2dBm; n1/n3/n7/n40/n66: 25.8dBm; n2/n38/n77: 24.2dBm; n5/n8/n12/n20/n28/n28: 25.8dBm;
Bluetooth: 19.5dBm;
WiFi 2.4 GHz Band: 18.5dBm
5G WiFi: 5150 to 5250MHz: 18.8dBm; 5250 to 5350MHz: 15.5dBm;
5470 to 5725MHz: 14.4dBm; 5725 to 5850MHz: 11.3dBm;
6G WiFi: 5945 to 6425MHz(LP): 17dBm; 5945~6425MHz(VLP): 13dBm
NFC: 13.56MHz: 42dBμA/m @10m

المواصفات الفنية

الأبعاد	162.73×76.55×7.55 (مليمتر)	SAR قيمة	0.993W/kg (رأس) 1.285W/kg (جسم)
البطارية	DC3.92V 5640mAh(22.11Wh(Min) DC3.92V 5800mAh(22.74Wh(Typ)		

ملاحظة: قيم معدل الامتصاص النوعي المذكورة أعلاه هي أعلى القيم المبلغ عنها لهذا الجهاز.

技术要求：

折页
尺寸：140*